

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 01-10-2021
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Thanh;

Ông Bò Quốc Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Chu Văn Long - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 38/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXX ST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 03/TB-DS ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan XC, sinh năm 1981; địa chỉ: T4, k.CX, TB, huyện BTU, tỉnh BD, có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn TL, sinh năm 1978; địa chỉ: T4, k.CX, TB, huyện BTU, tỉnh BD, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/4/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phan XC trình bày:

Ông XC và bà TL tự nguyện tìm hiểu, quen biết nhau khoảng 6 tháng, được cha mẹ hai bên đồng ý, ông, bà về chung sống, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TB (Nay là thị trấn TB), huyện BTU, tỉnh BD ngày 16/3/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn ngày càng nhiều nên vợ chồng đã

sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống, tình cảm vợ chồng không còn nên ông XC yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà TL.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phan Nguyễn HA, sinh ngày 09/5/2008. Ông XC yêu cầu Tòa án giao con chung cho bà Nguyễn Thị TL được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ông XC không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị TL trình bày tại Bản tự khai ngày 08/6/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết như sau: Thống nhất với lời trình bày của ông XC về thời gian tìm hiểu, chung sống. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Vài năm gần đây, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên không tìm được tiếng nói chung. Cuối năm 2020, ông XC bỏ về nhà mẹ ruột ở Nghệ An để sinh sống và không quay lại mặc dù bà TL đã nhiều lần khuyên nhủ ông XC trở về. Bà TL xác định hiện vẫn còn thương ông XC, muốn vợ chồng đoàn tụ và chăm con nên không đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông XC.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Nguyễn HA, sinh ngày 09/5/2008. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, bà TL yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông XC cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông XC nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà TL. Bà TL có hộ khẩu thường trú và cư trú tại huyện BTU, tỉnh BD nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông XC và bà TL tự nguyện quen biết, tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TB, huyện

TU (nay là thị trấn TT, huyện BTU), tỉnh BD theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 14, quyển số 01/2006 ngày 16/3/2006 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về tình trạng hôn nhân của vợ chồng: Ông XC yêu cầu được ly hôn với bà TL vì cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng; vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay. Bà TL cũng thừa nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung và đã ly thân từ cuối năm 2020 đến nay nhưng cho rằng còn thương ông XC nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, bà TL không đưa ra được phương án để hòa giải, hàn gắn vợ chồng. Qua đó cho thấy, mâu thuẫn ông XC và bà TL là có, đời sống hôn nhân không còn trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông XC yêu cầu được ly hôn với bà TL là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phan Nguyễn HA, sinh ngày 09/5/2008. Ông XC đề nghị giao con cho bà TL trực tiếp nuôi dưỡng, bà TL đồng ý. Từ khi vợ chồng ly thân, bà TL là người trực tiếp nuôi con; Bản tự khai ngày 07/6/2021, cháu An có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do đó, giao con cho bà TL yêu trực tiếp nuôi dưỡng.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà TL về việc không yêu cầu ông XC cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Ông Phan Xuân XC phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[9] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Xuân XC đối với bị đơn bà Nguyễn Thị TL.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Xuân XC được ly hôn với bà Nguyễn Thị TL.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị TL được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phan Nguyễn HA, sinh ngày 09/5/2008. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị TL về việc không yêu cầu ông XC cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị TL và ông Phan Xuân XC đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể giải quyết việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Phan Xuân XC phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0054738 ngày 12/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- UBND thị trấn Tân Bình, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bích Huế